

Số: /TB-SYT

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc áp dụng mức thu phí giải quyết thủ tục hành chính lĩnh y tế từ 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh (sau đây gọi là Thông tư số 43/2024/TT-BTC).

Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn thông báo áp dụng mức thu phí giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh y tế từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024, cụ thể như sau:

1. Phí trong lĩnh vực y tế bằng 70% mức thu phí quy định tại Biểu phí trong lĩnh vực y tế ban hành kèm theo Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.

2. Phí trong lĩnh vực An toàn thực phẩm bằng 90% mức thu phí quy định tại Biểu phí trong công tác an toàn thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

3. Các TTHC không được giảm trừ phí theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thực hiện thu phí theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các hồ sơ TTHC lĩnh vực y tế thuộc danh mục giảm trừ đã tiếp nhận từ ngày 01/7/2023 đến ngày Thông báo này được ban hành, đã thu phí theo mức chưa giảm trừ theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC, Sở Y tế sẽ hoàn lại phí thừa cho công dân.

(Phụ lục TTHC thu phí theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC gửi kèm theo)

Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn thông báo tới các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân biết để thuận tiện trong việc thực hiện thủ tục hành chính./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố (t/h);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (b/c);
- Viễn thông Lạng Sơn (cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh);
- Bưu điện tỉnh Lạng Sơn (p/h);
- Ngân hàng Viettin Bank Lạng Sơn (p/h);
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc (t/h);
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP_(NTLQ).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Lạc Hoài Thanh

PHỤ LỤC

Thủ tục hành chính lĩnh vực y tế áp dụng mức thu phí giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực y tế từ 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-SYT ngày tháng 7 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn)

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	PHÍ THEO QUY ĐỊNH	PHÍ THỰC THU THEO TT 43/2024/TT-BTC
I	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH			
Stt	Mã TTHC	Tên TTHC		
1	1.012259	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	430.000 đồng	301.000
2	1.012265	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	150.000 (trường hợp 1); 430.000 (trường hợp 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14)	105.000 (trường hợp 1); 301.000 (trường hợp 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14)
3	1.012270	Điều chỉnh giấy phép hành nghề	430.000 đồng	301.000
4	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	430.000 đồng	301.000 đồng
5	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	150.000 đồng (trường hợp 1, 2)/430.000 đồng (trường hợp 3, 4, 5, 6, 7, 8)	105.000 đồng (trường hợp 1, 2)/301.000 đồng (trường hợp 3, 4, 5, 6, 7, 8)

6	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viện: 10.500.000 - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 - Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp) 	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viện: 7.350.000 - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 3.990.000 - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 2.170.000 - Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 3.010.000 (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp)
7	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp 1: 1.500.000 - Trường hợp 2: + Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp 1: 1.050.000 - Trường hợp 2: + Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng

			chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp)	khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 3.010.000 + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 2.170.000 (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp)
8	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		
9	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	430.000 đồng	301.000 đồng
10	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	430.000 đồng	301.000 đồng

11	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	430.000 đồng	301.000 đồng
12	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	430.000 đồng	301.000 đồng
II	LĨNH VỰC Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN			
1	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	2.500.000 đồng	1.750.000 đồng
2	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024	2.500.000 VNĐ	1.750.000 đồng
3	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.500.000 đồng	1.750.000 đồng
III	LĨNH VỰC QUẢN LÝ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ			

1	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	3.000.000 đồng	2.100.000 đồng
2	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	3.000.000 đồng	2.100.000 đồng
3	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	3.000.000 đồng	2.100.000 đồng
IV	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG			
	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế	300.000 đồng	210.000 đồng
	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	300.000 đồng	210.000 đồng
V	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM			
1	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- cơ sở sản xuất: 2.500.000 đồng; - Dịch vụ ăn uống do Sở KHĐT cấp giấy CNKD từ 200 suất trở lên: 1.000.000 đồng; - Dịch vụ ăn uống do Sở KHĐT cấp giấy CNKD dưới 200 suất: 700.000 đồng	- cơ sở sản xuất: 2.250.000 đồng; - Dịch vụ ăn uống do Sở KHĐT cấp giấy CNKD từ 200 suất trở lên: 900.000 đồng; - Dịch vụ ăn uống do Sở KHĐT cấp giấy CNKD dưới 200 suất: 630.000 đồng
2	1.003348	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm	1.500.000 đồng	1.350.000 đồng

		dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		
3	1.003332	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.500.000 đồng	1.350.000 đồng
4	1.003108	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.100.000 đồng	990.000 đồng